

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 19-11-2019

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Tuấn – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm: 1986

HKTT: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Khu phố An H, p. Hòa L, thị xã Bến C, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Anh Lưu Minh T, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Minh T tự nguyện chung sống, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013, ký ngày 01 tháng 4 năm

2013. Trong thời gian chung sống với nhau anh Lưu Minh T không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu. Khi chị khuyên nhủ thì anh Lưu Minh T không nghe mà còn đánh đập, đe dọa chị nhiều lần. Chị đã nhiều lần đi nơi khác sinh sống nhưng lại quay về chung sống lại để cùng lo cho con cái nhưng anh Lưu Minh T không thay đổi mà còn hăm dọa giết chị làm chị luôn thấy lo sợ cho tính mạng của mình. Chị và anh Lưu Minh T đã sống ly thân 04 năm. Chị nhận thấy việc tiếp tục chung sống không còn ý nghĩa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lưu Minh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh Lưu Minh T có 02 con chung tên là Lưu Thanh Q sinh ngày 09 tháng 01 năm 2009 và Lưu Thảo V sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Lưu Minh T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh Lưu Minh T không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu Minh T trình bày: anh và chị Triệu Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ do chị Triệu Thị H ăn nhậu, hát hò nên anh tức giận có đánh chị Triệu Thị H. Sau đó chị Triệu Thị H bỏ nhà đi cho đến nay. Anh nhiều lần đi tìm kiếm chị Triệu Thị H và biết được việc chị Triệu Thị H đã có quan hệ tình cảm với người khác. Anh và chị Triệu Thị H sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị Triệu Thị H nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Triệu Thị H về con chung. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lưu Thanh Q vì thời gian vừa qua anh là người trực tiếp chăm sóc cháu. Còn cháu Lưu Thảo V giao cho chị Triệu Thị H trực tiếp chăm sóc.

Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H khai nhận chị và anh Lưu Minh T có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn 11/2013, ký ngày 01 tháng 4 năm 2013. Lời khai của chị Triệu Thị H phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị H và anh Lưu Minh T là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Triệu Thị H anh Lưu Minh T đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Theo lời khai của các bên thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn không đồng nhất. Tuy nhiên, qua lời khai tại phiên tòa thể hiện giữa anh Lưu Minh T và chị Triệu Thị H thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ. Trong thời gian ly thân đôi bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Hiện nay, chị Triệu Thị H và anh Lưu Minh T đều có yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xác định mâu thuẫn giữa chị Triệu Thị H và anh Lưu Minh T trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị H.

[4] Về nuôi con chung: Chị Triệu Thị H và anh Lưu Minh T đều khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Lưu Thanh Q sinh ngày 09 tháng 01 năm 2009 và Lưu Thảo V sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014. Tại phiên tòa, anh Lưu Minh T và chị Triệu Thị H có nguyện vọng mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu. Xét, cháu Lưu Thanh Q và cháu Lưu Thảo V còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc thường xuyên của cha mẹ. Hiện nay, anh Lưu Minh T chị Triệu Thị H đều có công việc và nhà ở ổn định. Các bên đều thừa nhận trong thời gian ly thân anh Lưu Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Thanh Q, chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Thảo V. Việc thay đổi môi trường sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý, đến sự phát triển của trẻ nhỏ. Bên cạnh đó, cháu Lưu Thanh Q có nguyện vọng được sống với cha (anh Lưu Minh T) (bút

lục số 22). Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Lưu Thanh Q và cháu Lưu Thảo V theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, giao cháu Lưu Thanh Q cho anh Lưu Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Thảo V cho chị Triệu Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị H và anh Lưu Minh T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Triệu Thị H anh Lưu Minh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Triệu Thị H anh Lưu Minh T khai nhận không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Triệu Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Lưu Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Thanh Q sinh ngày 09 tháng 01 năm 2009 cho anh Lưu Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao Lưu Thảo V sinh ngày 01 tháng 01 năm 2014 cho chị Triệu Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị H anh Lưu Minh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị Triệu Thị H anh Lưu Minh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009487 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh